TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 4 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Cho

2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TL.ST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T

Địa chỉ: Ấp T Thắng, xã T LA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H

Địa chỉ: Ấp T T, xã T LA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T trình bày: Ông và bà H nhờ mai mối mà quen biết và tìm hiểu nhau. Sau một thời gian thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2001. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hợp nhau trong quan điểm sống, cách chăm sóc gia đình, giáo dục con cái nên hai bên không còn tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, cả hai đã sống ly thân từ năm 2022.

Đến nay, ông T thấy rằng mục đích hôn hân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 03 con chung là Huỳnh Văn Đ (nam) sinh ngày 19/12/1998; Huỳnh Thị T (nữ) sinh ngày 12/01/2002 và Huỳnh Văn B (nam) sinh ngày 28/01/2010. Sau khi ly hôn, vì Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Thị T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết quyền nuôi dưỡng. Đối với cháu Huỳnh Văn B, ông T yêu cầu giao cho bà H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn là bà Trần Thị H trình bày như sau: Bà và ông Huỳnh Văn T nhờ mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc. Đến thời gian gần đây, ông T thường xuyên kiếm chuyện cự cãi với bà, vợ chồng có lời qua tiếng lại. Tuy nhiên, bà H thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn, có thể hàn gắn nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là Huỳnh Văn Đ (nam) sinh ngày 19/12/1998; Huỳnh Thị T (nữ) sinh ngày 12/01/2002 và Huỳnh Văn B (nam) sinh ngày 28/01/2010. Nếu Tòa án giải quyết cho ông T ly hôn với bà thì bà đồng ý nuôi cháu B, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Đ và T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết về quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Ông Huỳnh Văn T và bà Trần Thị H vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Văn T đối với bà Trần Thị H; Về con chung: Giao cháu Huỳnh Văn B cho bà Trần Thị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi

con chung nên ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Huỳnh Văn T và bà Trần Thị H do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà H. Bà Trần Thị H có địa chỉ cư trú ở ấp T Thắng, xã T Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông T và bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa ông T và bà H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông T là do bất đồng quan điểm sống và chăm sóc gia đình. Đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H. Bà H thì cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên kiếm chuyện cự cãi với bà, vợ chồng có lời qua tiếng lại nhưng mâu thuẫn không lớn nên bà không đồng ý ly hôn.

Quá trình tố tụng, Thẩm phán đã động viên ông T suy nghĩ lại, tìm cơ hội hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà H nhưng ông T không đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã đến mức trầm trọng, ông T đã cương quyết ly hôn, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà H.

[3.2] Về con chung: Ông T và bà H khai có 03 con chung là Huỳnh Văn Đ (nam) sinh ngày 19/12/1998; Huỳnh Thị T (nữ) sinh ngày 12/01/2002 và Huỳnh Văn B (nam) sinh ngày 28/01/2010. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu giao cháu Huỳnh Văn B cho bà H nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung, bà H cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu B cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét chấp nhận giao

cháu Huỳnh Văn B cho bà H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Đối với Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị T đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về quyền nuôi dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà H khai không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T đối với bà Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Huỳnh Văn T được ly hôn với bà Trần Thị H

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Văn B (nam) sinh ngày 28/01/2010 cho bà Trần Thị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà Trần Thị H không yêu cầu ông Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Huỳnh Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Đối với Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị T đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh nên không xem xét giải quyết về quyền nuôi dưỡng

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Huỳnh văn T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai số 0012423 ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Ông T đã nộp xong án phí).

5. Nguyên đơn Huỳnh Văn T và bị đơn Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Trường Long A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chúc Linh